

Marlex® HHM TR-144

NHỰA PE TỶ TRỌNG CAO

Đồng trùng hợp hexene có khối lượng phân tử cao này được dành cho các ứng dụng màng thổi đòi hỏi những đặc điểm sau:

- Độ cứng và độ bền
- Dễ gia công
- Có các tính chất kết hợp tốt với các loại nhựa có khối lượng phân tử cao, tỷ trọng cao (HDPE HMW)

Loại nhựa này đáp ứng những quy định sau:

- Mục 21 CFR 177.1520(c) 3.2a của FDA
- Số 10/2011 của EU

Để biết Bảng Chỉ Dẫn An Toàn Hóa Chất (MSDS), ghé thăm trang web của chúng tôi tại www.saudipolymers.com

Các ứng dụng điển hình đối với HHM TR-144 bao gồm:

- Túi đựng áo phông
- Lớp lót đa lớp
- Túi rác

Các Đặc Tính Nhựa Danh Định ^(1,2)	Giá trị (Hệ SI)	Phương pháp
Tỷ trọng	0.946 g/cm ³	ASTM D1505
Chỉ số chảy , Điều kiện 190°C / 2.16 kg	0.18 g/10 phút	ASTM D1238
Nhiệt độ giòn , Kẹp loại A, mẫu loại I	<-75°C	ASTM D746
Khả năng chống rạn ESCR , Điều kiện B (100% Igepal), F ₅₀	>1000 giờ	ASTM D1693
Mô-đun uốn , Tiếp xúc- 16:1 biên độ:độ sâu, 12.7 mm/phút	1150 MPa	ASTM D790
Các Đặc Tính Màng Thổi Danh Định tại 0.025mm ^(1,3)	Giá trị (Hệ SI)	Phương pháp
Độ bền va đập (66 cm)	90 g	ASTM D1709
Cường độ chịu kéo tại điểm uốn , 50.8 mm/phút Chiều thổi màng (MD)	24 MPa	ASTM D882
Cường độ chịu kéo tại điểm uốn , 50.8 mm/phút Chiều ngang màng (TD)	26 MPa	ASTM D882
Độ giãn dài tại điểm đứt , 50.8 mm/phút Chiều thổi màng (MD)	480%	ASTM D882
Độ giãn dài tại điểm đứt , 50.8 mm/phút Chiều ngang màng (TD)	640%	ASTM D882
Cường độ chịu xé Elmendorf , Chiều thổi màng (MD)	19 g	ASTM D1922
Cường độ chịu xé Elmendorf , Chiều ngang màng (TD)	270 g	ASTM D1922

1. Các đặc tính danh định được nêu ở đây là các đặc tính điển hình của sản phẩm, không phản ánh dung sai thí nghiệm thông thường và do đó không được dùng cho các mục đích cần thông số kỹ thuật. Các giá trị đã được làm tròn.
2. Các đặc tính vật lý được xác định trên các mẫu được đúc ép được chuẩn bị theo Quy Trình C, ASTM D4703, Phụ Lục A1.
3. Căn cứ theo màng thổi 0.025 mm được tạo ra ở hệ số thổi 4:1.

Ngày Hiệu Chính: Tháng 02/2012



Trước khi sử dụng sản phẩm này, người dùng cần biết và thận trọng tự xác định và đánh giá độ an toàn và sự phù hợp của sản phẩm đối với mục đích sử dụng cụ thể còn nghi vấn và cần tìm hiểu thêm bên cạnh việc tin cậy thông tin được nêu trong đây vì thông tin có thể liên quan đến bất kỳ mục đích sử dụng hoặc ứng dụng cụ thể nào. Người dùng hoàn toàn chịu trách nhiệm trong việc bảo đảm sản phẩm là phù hợp và thông tin có thể áp dụng cho ứng dụng cụ thể của người dùng. Saudi Polymers Company không, và tuyệt đối khước từ, mọi bảo đảm, bao gồm bảo đảm khả năng bán được hàng hoặc sự phù hợp của sản phẩm đối với một mục đích cụ thể, bất kể ở bằng lời nói hay bằng văn bản, hiển ngôn hay hàm ý, hoặc được cho là phát sinh từ bất kỳ việc sử dụng sản phẩm nào hoặc từ bất kỳ quá trình xử lý nào liên quan đến việc dùng thông tin nêu ở đây hoặc chính sản phẩm. Người dùng hoàn toàn lãnh mọi rủi ro và trách nhiệm, căn cứ vào hợp đồng, sai phạm hoặc căn cứ khác, liên quan đến việc sử dụng thông tin nêu trong đây hoặc chính sản phẩm. Bên cạnh đó, thông tin nêu trong đây được cung cấp không liên quan đến bất kỳ vấn đề sở hữu trí tuệ nào cũng như là luật pháp địa phương, tiểu bang, hoặc liên bang có thể gặp trong quá trình sử dụng thông tin. Người dùng phải tự kiểm tra các vấn đề đó.

Marlex® là thương hiệu đã được đăng ký của Chevron Phillips Chemical Company LP. Các sản phẩm Marlex® được sản xuất bởi Saudi Polymers Company theo giấy phép của Chevron Phillips Chemical Company LP.